

Số: 358 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2021

**BÁO CÁO**

**Tình hình sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ nông sản 9 tháng năm 2021;  
nhiệm vụ, giải pháp thực hiện những tháng cuối năm 2021  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021; Nghị quyết số 534/NQ-HĐND ngày 19/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2021.

Tình hình sản xuất nông nghiệp 9 tháng đầu năm 2021 đạt được một số kết quả như sau:

**Phần I**

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN  
9 THÁNG NĂM 2021**

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP.**

**1. Trồng trọt:**

**a) Về sản xuất lúa:**

Tổng diện tích gieo trồng năm 2021 đến nay là 715.214/717.000 ha, bằng 99,75% so với kế hoạch; sản lượng thu hoạch ước được trên 4.476.029/4.295.000 tấn, ước đạt 104,21% kế hoạch và đạt 101,73% kế hoạch phần đầu (4,4 triệu tấn), trong đó:

- Vụ Mùa 2020 - 2021: diện tích gieo trồng 58.394,7 ha/63.000 ha, đạt 92,69% kế hoạch và bằng 93,27% so cùng kỳ, thu hoạch dứt điểm 54.609,2 ha, đạt 93,52% so diện tích gieo trồng, năng suất bình quân đạt 4,86 tấn/ha, sản lượng 265.458 tấn, đạt 81,82 % so kế hoạch.

- Vụ Đông Xuân 2020 - 2021: diện tích gieo trồng 284.408 ha/286.000 ha, đạt 99,44% kế hoạch; thu hoạch dứt điểm 284.408 ha, đạt 100% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 7,62 tấn/ha, với sản lượng 2.166.109 tấn, tăng 5,57% so kế hoạch và tăng 2,06% so cùng kỳ.

- Vụ Hè Thu 2021: toàn tỉnh gieo trồng được 281.802 ha/280.000 ha (đạt 100,64% so kế hoạch), đến nay đã thu hoạch được 265.989 ha, chiếm 94,39% diện tích, năng suất thu hoạch bình quân đạt 5,65 tấn/ha. Dự kiến thu hoạch dứt



điểm cả vụ sản lượng ước đạt 1.592.181 tấn (tăng 3,47% so với kế hoạch 1.538.680 tấn).

- *Vụ Thu Đông 2021*: gieo sạ được 90.610 ha/88.000 ha (đạt 102,97% so với kế hoạch), đến nay đã thu hoạch được 12.249 ha, chiếm 13,52% diện tích, năng suất bình quân 5,2 tấn/ha. Dự kiến tháng 11/2021 thu hoạch cơ bản dứt điểm 90.610 ha, với sản lượng ước đạt 452.281 tấn.

Riêng lúa vụ Mùa 2021 - 2022: đến nay đã gieo sạ được 51.762 ha/60.670 ha, đạt 85,32% kế hoạch; tập trung ở các huyện: An Biên (14.889 ha), An Minh (21.685 ha), Vĩnh Thuận (11.843 ha), U Minh Thượng (3.200 ha) và Giang Thành (1.145 ha). Vụ Đông Xuân 2021 - 2022 đến nay, đã gieo trồng được 4.000 ha/285.000 ha, tập trung ở huyện U Minh Thượng.

\* Diện tích lúa chất lượng cao chiếm trên 90% tổng diện tích gieo trồng, vượt 23,7% kế hoạch. Một số giống chủ lực được nông dân sử dụng với tỷ lệ cao và đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của các doanh nghiệp như OM18, OM5451, ĐS1 và Đài thơm 8...

Tính đến thời điểm hiện nay; toàn tỉnh đã xây dựng được 783 cánh đồng lớn liên kết sản xuất, với diện tích 74.968 ha; trong đó, liên kết tiêu thụ là 651 cánh đồng, với 53.414 ha.

#### **b) Sản xuất các loại rau màu và cây công nghiệp chủ yếu:**

- *Sản xuất khoai lang*: từ đầu năm đến nay, diện tích trồng khoai lang các loại là 1.075/1.500 ha đạt 71,67% kế hoạch năm, tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước, đã thu hoạch được 941/1.075 ha, năng suất bình quân ước đạt 25 tấn/ha, sản lượng 23.525 tấn.

- *Sản xuất khóm*: diện tích trồng khóm đến nay là 8.830/9.300 ha đạt 94,95% kế hoạch năm, bằng 95,64% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng thu hoạch ước đạt 89.612 tấn.

Diện tích số loại rau màu thực phẩm tiếp tục duy trì ổn định và tăng so cùng kỳ năm trước, riêng một số loại như cây khóm, cây công nghiệp có xu hướng giảm so cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tác động đến hoạt động chế biến và thị trường xuất. Nhìn chung, tình hình sản xuất vẫn còn ở dạng nhỏ lẻ, chủ yếu là hộ gia đình, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn chậm, còn khó khăn trong khâu liên kết tiêu thụ, nhất là do ảnh hưởng của dịch bệnh nên giá bán giảm, tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn.

#### **2. Chăn nuôi gia súc, gia cầm:**

Tổng đàn đàn chăn nuôi nhìn chung duy trì ổn định, trong đó: đàn heo 201.896 con, đạt 80,76% kế hoạch, tăng 1,24% so với cùng kỳ; đàn trâu hiện có 4.186 con, đạt 85,43 % kế hoạch và bằng 98,87% so cùng kỳ; đàn bò 10.448 con, đạt 83,58% kế hoạch, bằng 90,80% cùng kỳ; gia cầm 4.574 ngàn con, đạt 83,14% kế hoạch, tăng 12,33% cùng kỳ.

Nhìn chung, hoạt động chăn nuôi mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng vẫn khá ổn định, dịch bệnh ít xảy ra. Tuy nhiên, do thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 gây khó khăn trong vận chuyển; giá thức ăn, vật tư đầu vào phục vụ cho chăn nuôi tăng, trong khi giá bán lại có xu hướng giảm, bên cạnh đó tình hình dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên gia súc, gia cầm diễn biến khá phức tạp tại nhiều tỉnh, thành. Đặc biệt, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và Bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò đã xuất hiện tại một số tỉnh trong nước nên nguy cơ phát tán, lây lan dịch bệnh vào địa bàn tỉnh luôn ở mức cao. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ngành Nông nghiệp và PTNT thường xuyên giám sát theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh nhằm kịp thời phát hiện và xử lý ổ dịch không để lây lan.

\* *Tình hình phát triển nuôi chim Yến:* toàn tỉnh hiện có 2.828 hộ, với 2.995 nhà nuôi chim yến (diện tích sàn nuôi 730.630m<sup>2</sup>). Sản lượng yến sào thu hoạch 9 tháng năm 2021 ước được 12.870 kg, đạt 69,57% kế hoạch.

### **3. Sản xuất thủy sản:**

- *Nuôi trồng và khai thác:* tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng 9 tháng năm 2021 ước được 638.025/799.000 tấn, đạt 79,85% kế hoạch, bằng 100,75% so với cùng kỳ 2020; ước cả năm đạt 798.892 tấn, ước đạt 99,99% so với Kế hoạch năm và bằng 95,53% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

+ Sản lượng khai thác được 420.595/510.000 tấn, đạt 82,47% so kế hoạch, ước cả năm 500.000 tấn, đạt 98,04%.

+ Sản lượng thủy sản nuôi được 217.430/289.000 tấn, đạt 75,24% kế hoạch; ước cả năm đạt 298.892 tấn, ước đạt 103,45%). Trong đó: tôm nuôi đạt 81.540 tấn, đạt 83,20% so với kế hoạch (98.000 tấn) và đạt 77,66% kế hoạch phần đầu (105.000 tấn); ước cả năm 2021 sản lượng tôm nuôi sẽ đạt 105.467 tấn, đạt 107,62% so với kế hoạch năm.

## **II. TÌNH HÌNH LƯU THÔNG, TIÊU THỤ NÔNG SẢN**

Trước khi tỉnh thực hiện giãn cách theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Tình hình thu mua, tiêu thụ nông sản diễn ra bình thường, nông sản thu hoạch đều có thương lái hoặc doanh nghiệp thu mua.

Từ khi tỉnh thực hiện giãn cách (từ ngày 19/7/2021 đến nay) theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Tình hình thu hoạch, thu mua, lưu thông, tiêu thụ nông sản diễn ra rất chậm, có thời điểm hầu như tạm dừng hoạt động thu mua. Nguyên nhân, do chấp hành theo Chỉ thị số 16/CT-TTg, phần lớn các công ty, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, thương lái thu mua nông sản tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh do chưa đáp ứng điều kiện phòng, chống dịch Covid-19 theo phương châm “3 tại chỗ”.

Nhằm tháo gỡ khó khăn trong thu hoạch, thu mua, lưu thông, tiêu thụ nông sản, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành những văn bản hướng dẫn và chỉ đạo các

sở, ngành chức năng phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan có những giải pháp cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Tổ chỉ đạo sản xuất, kết nối cung cầu tiêu thụ nông sản; phản ánh, phối hợp tháo gỡ khó khăn lưu thông hàng hóa, vật tư nông nghiệp, thu mua, thu hoạch nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh; chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân trong ngoài tỉnh thành lập các nhóm Zalo, trang kết nối mua bán của Tổ 970 (Bộ Nông nghiệp và PTNT) và trên các trang thông tin điện tử hợp pháp khác để trao đổi thông tin về cung, cầu sản phẩm nông thủy sản và thúc đẩy kết nối tiêu thụ sản phẩm nông thủy sản giữa nông dân, HTX,... với doanh nghiệp tiêu thụ trên địa bàn tỉnh cũng như các tỉnh bạn.

**Bảng. Kết quả kết nối, tiêu thụ nông sản từ 19/7/2021 đến 24/9/2021:**

| Stt      | Nông sản chủ yếu         | KẾT NỐI TIÊU THỤ NÔNG SẢN |                                     |                                     |                                |
|----------|--------------------------|---------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|
|          |                          | Sản lượng thu hoạch (tấn) | Sản lượng tiêu thụ trong tỉnh (tấn) | Sản lượng tiêu thụ ngoài tỉnh (tấn) | Giá bán bình quân (nghìn đồng) |
| <b>A</b> | <b>Trồng trọt</b>        | <b>1.130.511,00</b>       | <b>561.300,00</b>                   | <b>569.136,00</b>                   |                                |
| 1        | Lúa                      | 1.120.734,70              | 557.145,70                          | 563.589,00                          | 4,3-6,2                        |
| 2        | Rau, củ, quả             | 4.076,20                  | 2.147,20                            | 1.929,00                            | 6-20                           |
| 3        | Khóm                     | 1.591,70                  | 686,70                              | 830,00                              | 4-5                            |
| 4        | Chuối                    | 1.394,00                  | 350,00                              | 1.044,00                            | 4-15                           |
| 5        | Khoai lang               | 2.714,40                  | 970,40                              | 1.744,00                            | 3-6                            |
| <b>B</b> | <b>Chăn nuôi</b>         | <b>3.877,54</b>           | <b>3.354,94</b>                     | <b>522,60</b>                       |                                |
| 1        | Thịt heo hơi             | 3.432,64                  | 3.052,94                            | 379,70                              | 58-62                          |
| 2        | Thịt gà hơi              |                           |                                     |                                     |                                |
|          | - Gà thả vườn            | 363,25                    | 249,25                              | 114,00                              | 70-75                          |
|          | - Gà công nghiệp         | 81,65                     | 52,75                               | 28,90                               | 45-60                          |
| 3        | Trứng gà tại trại (quả)  | 867.212,00                | 867.212,00                          |                                     | 2,5-3                          |
| 4        | Trứng vịt tại trại (quả) | 910.178,00                | 910.178,00                          |                                     | 2,5-3                          |
| <b>C</b> | <b>Thủy sản</b>          | <b>74.222,70</b>          | <b>30.331,20</b>                    | <b>43.921,50</b>                    |                                |
| <b>I</b> | <b>Nuôi thủy sản</b>     | <b>15.985,70</b>          | <b>7.293,20</b>                     | <b>8.722,50</b>                     |                                |
| 1        | Tôm sú                   | 4.799,05                  | 1.989,05                            | 2.810,00                            | 145-180                        |
| 2        | Tôm thẻ CT               | 5.351,30                  | 1.938,30                            | 3.413,00                            | 80-135                         |
| 3        | Tôm càng xanh            | 2.645,10                  | 1.504,10                            | 1.141,00                            | 85-95                          |
| 4        | Cá mú                    | 554,75                    | 334,75                              | 220,00                              | 140                            |
| 5        | Cá bớp                   | 599,40                    | 359,40                              | 240,00                              | 120                            |
| 6        | Cá bẹ quýt               | 44,00                     | 26,00                               | 18,00                               | 160                            |
| 7        | Cua biển                 | 944,10                    | 542,60                              | 431,50                              | 130-280                        |

| Stt                          | Nông sản chủ yếu          | KẾT NỐI TIÊU THỤ NÔNG SẢN |                                     |                                     |                                |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|
|                              |                           | Sản lượng thu hoạch (tấn) | Sản lượng tiêu thụ trong tỉnh (tấn) | Sản lượng tiêu thụ ngoài tỉnh (tấn) | Giá bán bình quân (nghìn đồng) |
| 8                            | Sò huyết                  | 1.048,00                  | 599,00                              | 449,00                              | 100-120                        |
| <b>II</b>                    | <b>Khai thác thủy sản</b> | <b>58.237,00</b>          | <b>23.038,00</b>                    | <b>35.199,00</b>                    |                                |
| 9                            | Cá các loại               | 44.478,00                 | 16.666,00                           | 27.812,00                           | 10-150                         |
| 10                           | Tôm các loại              | 3.155,00                  | 1.271,00                            | 1.884,00                            | 110-220                        |
| 11                           | Mực                       | 6.984,00                  | 3.472,00                            | 3.512,00                            | 70-230                         |
| 12                           | Thủy sản khác             | 3.620,00                  | 1.629,00                            | 1.991,00                            | 30-250                         |
| <b>Tổng cộng (I+II+III):</b> |                           | <b>1.208.611,24</b>       | <b>594.986,14</b>                   | <b>613.580,10</b>                   |                                |

## II. NHẬN XÉT- ĐÁNH GIÁ CHUNG.

Trong quá trình triển khai thực hiện, tình hình sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn như: tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng lớn đến các khâu từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ nông sản nói riêng và các lĩnh vực kinh tế khác của tỉnh nói chung; bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên cả nước có dấu hiệu bùng phát trở lại, nên nguy cơ tái phát trở lại trên địa bàn Kiên Giang là rất cao, bên cạnh đó dịch Cúm gia cầm đã xảy ra tại nhiều tỉnh, thành phố; thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp....Tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt từ các Bộ ngành Trung ương và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh, do đó, đến nay tình hình sản xuất nông lâm và thủy sản tiếp tục ổn định; năng suất, sản lượng lúa thu hoạch các vụ năm 2021 đạt khá cao so kế hoạch, quy mô diện tích liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn gắn với tiêu thụ tăng so cùng kỳ; lĩnh vực hoạt động thủy sản mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn duy trì ổn định; sản lượng tôm nuôi đạt khá so tiến độ kế hoạch và cùng kỳ năm trước; tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản được kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh dịch bệnh nghiêm trọng và lây lan ở diện rộng nhất là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và Cúm gia cầm; công tác phòng, chống thiên tai, xâm nhập mặn, điều tiết nguồn nước, vận hành các công hợp lý đã phát huy hiệu quả....

Đặc biệt là nhằm tháo gỡ khó khăn trong thu hoạch, thu mua, lưu thông, tiêu thụ nông sản khi tỉnh áp dụng Chỉ thị số 16/CT-TTg, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều văn bản hướng dẫn và chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan có những giải pháp cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Qua đó, hỗ trợ nhân dân trong sản xuất, tiêu thụ nông sản, duy trì sản xuất ổn định, đặc biệt các mặt hàng thiết yếu phục vụ dân sinh.

Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại hạn chế như:



- Mặc dù ngành Nông nghiệp và PTNT có khuyến cáo lịch thời vụ gieo sạ tập trung cho từng tiểu vùng, nhưng tình trạng gieo sạ không theo lịch khuyến cáo vẫn còn xảy ra.

- Mô hình liên kết cánh đồng lớn, liên kết sản xuất có tăng so cùng kỳ nhưng còn thiếu bền vững, còn hạn chế so với tiềm năng phát triển sản xuất của địa phương, không chỉ ở sản xuất lúa mà còn ở các mặt hàng nông thủy sản khác. Nguyên nhân chủ yếu do giữa doanh nghiệp và nông dân chưa tìm được tiếng nói chung về chia sẻ lợi nhuận cũng như rủi ro trong chuỗi liên kết (do thiên tai, dịch bệnh, thị trường đóng băng, giá cả thị trường lên xuống thất thường, ...). Tình hình tiêu thụ nông sản do ảnh hưởng dịch cũng gặp nhiều khó khăn nhất là tiêu thụ hàng thủy sản chưa qua chế biến.

- Tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm có chiều hướng diễn biến phức tạp, nhất là Bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò (xuất hiện ở huyện: Giang Thành, Hòn Đất); Dịch tả lợn Châu phi (xuất hiện trên địa bàn huyện Châu Thành).

## **Phần II**

### **MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG QUÝ IV NĂM 2021**

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 534/NQ-HĐND ngày 19/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các sở, ngành có liên quan và các địa phương triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm từ nay đến cuối năm 2021, nhằm hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch năm 2021, góp phần đóng góp chung tăng trưởng của tỉnh như sau:

1. Tập trung rà soát các chỉ tiêu được giao, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch theo kịch bản 2 (lúa 4,4 triệu tấn), khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 799.000 tấn, trong đó: tôm nuôi đạt 105.467 tấn (kế hoạch là 89.000 tấn).

2. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện sản xuất tốt vụ Đông Xuân và vụ Mùa năm 2021 - 2022 và kế hoạch khai thác, nuôi trồng thủy sản. Tăng cường chỉ đạo các địa phương chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch diện tích lúa vụ Đông Xuân và Mùa; hỗ trợ thu hoạch, vận chuyển, tiêu thụ...các mặt hàng nông, thủy sản trong dân khi có nhu cầu.

3. Chỉ đạo theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản. Đặc biệt, tập trung nguồn lực tổ chức khống chế không để lây lan dịch Bệnh viêm da nổi cục trên bò tại huyện Giang Thành; Dịch tả heo Châu Phi tại huyện Châu Thành.

4. Rà soát các chương trình, đề án, dự án thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, trong đó chú trọng các Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Đề án phát triển chăn nuôi bền vững; Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ; Đề án nuôi



biển theo hướng bền vững đến năm 2030 và Dự án điều tra các nghề khai thác vùng biển ven bờ và vùng lòng biển Kiên Giang; sắp xếp lại cơ cấu nghề khai thác thủy sản tỉnh Kiên Giang.

5. Chỉ đạo ngành Nông nghiệp và PTNT chủ động theo dõi diễn biến mực nước và tình hình thời tiết để chuẩn bị tốt kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn phục vụ sản xuất và dân sinh trong mùa khô 2021 - 2022.

Trên đây là Báo cáo về tình hình sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ nông sản 9 tháng năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp những tháng cuối năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *mm*

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Các UV BTV& BCH Tỉnh ủy;
- UBND các huyện, TP;
- LĐVP, Phòng: KT, TH;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân

